

Bản án số: 92/2024/DS-ST

Ngày: 20/6/2024

"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang K

Các hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Xuân M

Bà Dương Thị Kim L

Th ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Á- Th ký Tòa án nhân dân huyện Mê L1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê L1 tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Bích L2- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mê L1- thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2024/TLST- DS ngày 28/02/2024 theo Quyết định đa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXX- ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bình M1, sinh 1957.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh 1966.

Nơi cư trú: Khu H, xã T, huyện M, TP ..

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị H, sinh 1968

Nơi cư trú: Khu H, xã T, huyện M, TP ..

Có mặt ông M1, vắng mặt ông T, bà H xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2024 và lời khai tiếp theo ông Nguyễn Bình M1 trình bày:

Trong các năm 2012, 2013 ông có 03 lần cho ông Nguyễn Văn T vay tiền, cụ thể: Ngày 6/01/2012, ông cho ông T vay 600.000.000đ có giấy vay tiền; Ngày 12/3/2012 ông cho ông T vay tiếp 250.000.000đ có giấy vay tiền; Ngày 28/3/2013 ông cho ông T vay tiếp 60.000.000đ, tổng là 910.000.000đ. Khi vay ông T nói để mua phòng khám H1 và chịu trách nhiệm trả cả gốc và lãi trước ngày 20/7/2013. Nhưng đến ngày 20/7/2013, ông T không trả tiền cho ông như đã thỏa thuận và từ đó

đến nay ông đã nhiều lần đòi mà ông T không trả. Do ông T không nhận chữ ký trong giấy vay tiền 60.000.000đ ngày 28/3/2013 là của ông, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T trả ông 850.000.000đ và không yêu cầu lãi xuất.

Bị đơn- ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án ông có lời khai:

Ông và ông Nguyễn Bình M1 có mối quan hệ qua quá trình làm việc tại cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh V. Ông M1 có gọi giới thiệu cho ông về việc có phòng khám của chị P muốn bán. Sau khi xem xong ông và ông M1 bàn bạc để mua, ông M1 đưa 02 lần tiền cho ông tổng là 850.000.000đ. Mục đích để cùng nhau mua, cùng nhau hoạt động. Vì ông M1 đang là Phó giám đốc cơ quan bảo hiểm, nên ông M1 bảo cứ viết giấy vay để tránh dị nghị. Phòng khám đi vào hoạt động được hơn 01 năm thì xảy ra tranh chấp, nên ông phải bỏ lại toàn bộ ra về tay trắng. Từ đó ông M1 có đến đòi ông nhiều lần, nhưng ông không có khả năng trả. Ông đồng ý trả ông M1 850.000.000đ với lộ trình: Từ nay đến hết 31/12/2024 ông trả 250.000.000đ, còn lại ông xin trả theo quý của năm sau, mỗi quý trả 100.000.000đ cho đến khi hết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là vợ ông T, việc ông T vay tiền ông M1 như thế nào chị không biết và không liên quan gì. Nay ông M1 khởi kiện ông T, bà xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện tương đối đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 429, 466 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bình M1. Buộc ông Nguyễn Văn T trả ông M1 850.000.000đ. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông M1.

Ông T phải chịu án phí đối với khoản tiền phải trả ông M1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng: Trong các ngày 6/01/2012; 12/3/2012 và 28/3/2013 ông M1 và ông T có lập Giấy vay tiền với tổng số tiền 910.000.000đ, không thời hạn, không lãi xuất. Sau đó ông M1 đã đòi nhiều lần, nhưng ông T không trả nên ông M1 khởi kiện. Vì vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án thụ lý vụ kiện là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập ông T, bà H đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T không đến, bà H có ý kiến xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Ngày 30/5/2024, Tòa án đã mở phiên tòa, ông T có đơn xin hoãn phiên tòa. Tòa án đã hoãn phiên tòa và giao quyết định hoãn phiên tòa cho ông T, bà H đến ngày 13/6/2024. Tuy nhiên ông T vắng mặt

không có lý do chính đáng, Tòa án tiếp tục hoãn phiên tòa và giao quyết định hoãn phiên tòa cho ông T đến ngày hôm nay. Tuy nhiên ông T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà H là có căn cứ.

Về nội dung vụ kiện:

Đối với Giấy vay tiền ngày 6/01/2012, trong đó ghi rõ số tiền vay 600.000.000đ và Giấy biên nhận ngày 12/3/2012 với số tiền 250.000.000đ, ông T xác nhận chữ ký và chữ viết dưới mục người vay tiền đúng là chữ ký, chữ viết của ông. Ông đồng ý trả ông M1 850.000.000đ với lộ trình: Từ nay đến hết 31/12/2024 ông trả 250.000.000đ, còn lại ông xin trả theo quý của năm sau, mỗi quý trả 100.000.000đ cho đến khi hết.

Đối với Bản thỏa thuận trả nợ tiền ngày 28/3/2013, trong đó có ghi ông T vay tiếp của ông M1 60.000.000đ. Ông T không nhận chữ ký dưới mục người vay tiền là của ông và ông M1 cũng không đề nghị giải quyết đối với số tiền 60.000.000đ này và không yêu cầu đòi lãi xuất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với số nợ gốc của 02 Giấy vay tiền ngày 6/01/2012 và 12/3/2012 với tổng số tiền là 850.000.000đ, ông T có xác nhận và xin lộ trình trả nợ, nhưng ông M1 không đồng ý về lộ trình trả nợ của ông T. Vì vậy buộc ông T phải trả ông M1 850.000.000đ nợ gốc này.

Đối với số nợ 60.000.000đ của Bản thỏa thuận trả nợ tiền ngày 28/3/2013 và yêu cầu đòi lãi xuất, ông M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết và xin rút các yêu cầu này, nên ghi nhận và đình chỉ đối với các yêu cầu này.

Theo quy định tại Điều 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay là phải trả đủ tiền vay. Do đó buộc ông T trả ông M1 850.000.000đ nợ gốc là phù hợp.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông M1 được chấp nhận, nên căn cứ vào Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền phải trả cho ông M1. Do ông M1 đã hơn 60 tuổi, nên không phải nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 427, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 147, 227, 228, 271, 273, 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M2 với ông Nguyễn Văn T.

2- Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả ông Nguyễn Văn M2 số tiền 850.000.000đ nợ gốc theo Giấy vay tiền ngày 6/01/2012 và Giấy biên nhận ngày 12/3/2012.

Đình chỉ yêu cầu đòi 60.000.000đ nợ gốc của Bản thỏa thuận trả nợ tiền ngày 28/3/2013 và yêu cầu đòi lãi xuất của ông M2

3- Về án phí: Ông T phải nộp 37.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông M2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông T và bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận: T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Các bên đương sự.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKS h Mê L1.

- Lu hồ sơ.

Lê Quang K